

Phật giáo  
và Islam  
*trên*  
Con đường  
Tơ lụa

## **BUDDHISM AND ISLAM ON THE SILK ROAD**

Copyright © 2010 University of Pennsylvania Press

All rights reserved. Published by arrangement with the University of Pennsylvania Press, Philadelphia, Pennsylvania.  
None of this book may be reproduced or transmitted in any form or by any means without permission in writing from the University of Pennsylvania Press.

## **PHẬT GIÁO VÀ ISLAM TRÊN CON ĐƯỜNG TƠ LỤA**

Tác giả: Johan Elverskog

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam, 2026

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, tay gấp, 2026

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

### **Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam – thành viên của Alpha Publishing Group.**

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị – Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người và Tủ sách Y sinh. Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng, Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

---

### **Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Elverskog, Johan

Phật giáo và Islam trên con đường tơ lụa / Johan Elverskog ; Hà Vũ Trọng dịch. – H. : Nxb. Hà Nội ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2026. – 468 tr. ; 24 cm

1. Đạo Phật 2. Đạo Hồi 3. Sinh thái học nhân văn 4. Châu Á  
294.3377095 - dc23  
HNM0515p-CIP

---

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: [info@omegaplus.vn](mailto:info@omegaplus.vn)

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: [truyenthong@omegaplus.vn](mailto:truyenthong@omegaplus.vn)

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: [dichvu@omegaplus.vn](mailto:dichvu@omegaplus.vn)

Phật giáo  
và Islam  
trên  
Con đường  
Tơ lụa

Johan Elverskog

Hà Vũ Trọng dịch



⊕MEGA<sup>+</sup>

NHÀ XUẤT BẢN  
HÀ NỘI



## Mục lục

|                                   |     |
|-----------------------------------|-----|
| Phàm lệ.....                      | 7   |
| Dẫn nhập .....                    | 11  |
| <br>                              |     |
| Chương 1 Cuộc tiếp xúc.....       | 23  |
| Chương 2 Sự hiểu biết.....        | 95  |
| Chương 3 Thờ ngẫu tượng .....     | 171 |
| Chương 4 Thánh chiến (Jihad)..... | 252 |
| Chương 5 Thực phẩm (Halal).....   | 328 |
| <br>                              |     |
| Kết luận.....                     | 374 |
| Ghi chú .....                     | 379 |
| Lời cảm ơn.....                   | 453 |
| Mục từ tra cứu.....               | 455 |

### *Dành tặng Mẹ tôi*

Một người đàn ông đến gặp Nhà tiên tri và nói: “Thưa Sứ giả của đáng Allah! Trong số mọi người, ai là người xứng đáng nhất để tôi được bầu bạn?” Nhà tiên tri nói: “Mẹ của người.” Người đàn ông hỏi: “Rồi ai nữa?” Đấng tiên tri nói: “Mẹ của người.” Người đàn ông hỏi tiếp: “Rồi ai nữa?” Nhà tiên tri nói: “Mẹ của người.” Người đàn ông lại hỏi: “Rồi ai nữa?” Nhà tiên tri nói: “Rồi tới cha người.”

- Thánh huấn *al-Bukhārī*, số 5586

Dù cho một người, một bên vai công mẹ, vai bên kia công cha, sống đến trăm tuổi để phụng dưỡng như thế, và dù có chăm sóc cha mẹ chu đáo, xúc dầu, xoa bóp, tắm rửa, lau chùi chân tay, thậm chí khi cha mẹ có vài tiểu tiện đại tiện tại đó - thì vẫn chưa đủ, vẫn chưa thể đền đáp hết công ơn cha mẹ. Hơn nữa, dầu người ấy có tôn cha mẹ làm những bậc tối thượng, làm những vị quân vương cai trị cõi đất này cùng bảy báu vật, thì vẫn chưa đủ, vẫn chưa thể đền đáp hết công ơn ấy. Vì sao vậy? Bởi cha mẹ đã làm rất nhiều điều cho con cái: nuôi nấng, dưỡng dục con lớn lên, và dìu dắt con đi qua cuộc đời này.

- *Kinh Tăng chi bộ*, Chương 2, iv, 2

## Phàm lệ

Trong bản dịch *Phật giáo và Islam trên Con đường Tơ lụa*, chúng tôi ưu tiên sử dụng các dạng chuyển tự quốc tế như Islam, Muslim... thay cho các cách gọi quen thuộc trong tiếng Việt như Hồi giáo, đạo Hồi hay người Hồi giáo. Lựa chọn này không nhằm phủ nhận giá trị lịch sử của hệ thuật ngữ Hán-Việt vốn đã có vị trí lâu dài trong xuất bản và nghiên cứu tại Việt Nam, mà xuất phát từ một số cân nhắc học thuật và biên tập.

Trước hết, cần lưu ý rằng cách gọi “Hồi giáo” không phải là tên tự gọi của truyền thống tôn giáo này. Thuật ngữ ấy đi vào tiếng Việt chủ yếu qua trung gian Hán văn. Trong truyền thống Trung Hoa, Islam từng được gọi là “Hồi giáo” (回教), tức “tôn giáo của người Hồi”, gắn với lịch sử tiếp xúc giữa thế giới Hoa Hạ với các cộng đồng Muslim ở Tây Vực và về sau với nhóm được gọi là Hồi Hồi (回回). Theo thời gian, cách gọi này trở thành thuật ngữ thông dụng trong Hán văn và được tiếp nhận vào tiếng Việt. Tuy nhiên, cách định danh ấy phản ánh lịch sử tiếp nhận của Trung Hoa nhiều hơn là cách tự định danh của truyền thống Islam.

Trong khi đó, trong nghiên cứu quốc tế hiện nay - đặc biệt ở các lĩnh vực lịch sử, khu vực học, Trung Đông học, Islam học và nghiên cứu tôn giáo - việc sử dụng Islam và Muslim ngày càng phổ biến nhằm phân biệt rõ giữa tôn giáo (Islam), cộng đồng tín hữu (Muslim) và các hiện tượng lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa gắn với thế giới Islam. Việc giữ gần với nguyên ngữ cũng giúp hạn chế những lớp nghĩa phát sinh từ truyền thống dịch thuật địa phương.

Vì vậy, bản dịch sử dụng nhất quán các thuật ngữ Islam và Muslim nhằm thuận tiện cho việc đối chiếu với hệ thống nghiên cứu quốc tế hiện nay.

1. Bản dịch tiếng Việt này được thực hiện từ nguyên bản tiếng Anh của tác giả Johan Elverskog. Trong quá trình chuyển ngữ, chúng tôi cố gắng giữ cân bằng giữa tính chính xác học thuật và khả năng tiếp nhận của độc giả phổ thông Việt Nam.
2. Ngoài Islam và Muslim, bản dịch cũng chú ý giữ lại một số thuật ngữ quen thuộc trong học thuật quốc tế như Qur'an, Sufi, jihad, halal... thay vì chuyển hoàn toàn sang các dạng Hán-Việt truyền thống. Ở lần xuất hiện đầu tiên, các thuật ngữ quan trọng thường được chú thích ngắn gọn để hỗ trợ bạn đọc theo dõi.
3. Các nhân danh, địa danh, triều đại, thuật ngữ Sanskrit, Pali, A Rập, Ba Tư, Mông Cổ... nhìn chung được giữ gần với dạng quốc tế phổ biến hiện nay. Trong nhiều trường hợp, tên phiên âm Hán-Việt quen thuộc sẽ được bổ sung ở lần xuất hiện đầu tiên để thuận tiện cho việc nhận diện. Ví dụ: Khubilai Khan (Hốt Tất Liệt), Chinggis Khan (Thành Cát Tư Hãn), Xuanzang (Huyền Trang)...
4. Những chú thích đánh dấu “BT” là của biên tập viên, chủ yếu nhằm:
  - giải thích thuật ngữ;
  - bổ sung bối cảnh lịch sử - văn hóa;
  - làm rõ nhân vật hoặc sự kiện;
  - hỗ trợ độc giả phổ thông tiếp cận các vấn đề học thuật chuyên sâu.

5. Đối với kinh điển Phật giáo, *Kinh Qur'an* và các nguồn tôn giáo khác, bản dịch đôi khi tham khảo hoặc dẫn lại từ các bản Việt ngữ đã phổ biến nhằm bảo đảm sự quen thuộc trong cách hành văn và thuật ngữ. Những trường hợp như vậy đều được ghi chú cụ thể.
6. Niên đại trong sách nhìn chung được ghi theo quy ước “TCN” (trước Công nguyên) nhưng không dùng “SCN”, dù nguyên bản sử dụng hệ “B.C.E./C.E.”. Lựa chọn này nhằm tạo sự thống nhất với thói quen đọc phổ biến trong tiếng Việt hiện nay.
7. Các từ in nghiêng trong bản gốc phần lớn được giữ nguyên tinh thần nhấn mạnh của tác giả. Một số trường hợp được điều chỉnh nhẹ để phù hợp với nhịp điệu tiếng Việt.
8. Đây là một công trình nghiên cứu mang tính liên ngành, giao thoa giữa lịch sử, tôn giáo học, nghệ thuật học, nghiên cứu Nội Á và hậu thực dân luận. Vì vậy, một số khái niệm có thể mang nhiều tầng nghĩa hoặc vẫn còn đang được tranh luận trong giới học thuật đương đại. Trong khả năng của mình, chúng tôi cố gắng chuyển tải trung thực tinh thần nguyên tác, đồng thời giữ cho bản dịch sáng rõ và dễ tiếp cận nhất có thể đối với độc giả Việt Nam.
9. Cuốn sách có trích dẫn và lược thuật một số quan điểm mang tính tranh luận hoặc phê phán giữa Phật giáo và Islam trong giai đoạn đầu hai truyền thống tiếp xúc. Những nội dung này nhằm tái hiện bối cảnh lịch sử của quá trình gặp gỡ, tiếp nhận và dung hòa giữa hai truyền thống cách đây hơn một nghìn năm. Chúng phản ánh nhận thức và diễn ngôn của từng thời đại, không đại

diện cho quan điểm của người làm sách, người dịch hay đơn vị xuất bản

Trân trọng cảm ơn Sư cô Như Ý (Dự án Phật học Tinh hoa Thế giới) đã đồng hành cùng chúng tôi trong quá trình biên tập, đã góp ý cho chúng tôi những kiến thức và thuật ngữ Phật học trong quá trình hoàn thiện bản thảo.

**Ban Biên tập**  
**Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam**

## Dẫn nhập

Ta được lệnh phải chiến đấu với mọi người cho đến khi họ tuyên xưng: “Không có Thượng đế nào ngoài Allah.”

- Bài giảng từ biệt của Nhà tiên tri Muhammad<sup>i</sup>

Sa-môn Gotama rống lên tiếng rống sư tử giữa đại chúng với tinh thần vô úy, có người thỉnh vấn Ngài và Ngài trả lời, bằng những lời giải đáp ấy, Ngài cảm hóa được họ; họ lấy làm hoan hỷ và thỏa nguyện.

- Kinh Đại sư tử hống, Trường bộ kinh

---

i. Nguyên văn: “I was ordered to fight all men until they say ‘There is no god but Allah.’” Có nhiều dị bản tiếng Anh liên quan đến câu này.

Câu nói này được ghi nhận trong các tuyển tập ḥadīth/hadīth (Thánh huấn) kinh điển như *Ṣaḥīḥ al-Bukhārī* (số 25) và *Ṣaḥīḥ Muslim* (số 22).

Bài giảng từ biệt (Farewell Address/Farewell Sermon) là bài thuyết giảng do Muhammad (570-632) - nhân vật trung tâm của Islam và là người khai lập cộng đồng Muslim đầu tiên tại bán đảo Ả Rập - truyền dạy trong cuộc hành hương cuối cùng đến Mecca vào năm 632. Trong truyền thống Islam, ông được tôn vinh là vị tiên tri cuối cùng của Thượng đế, và bài giảng này được xem là một trong những tuyên ngôn quan trọng nhất của ông về đức tin, cộng đồng Muslim và các chuẩn mực đạo đức-xã hội.

Tuy nhiên, dưới góc độ văn bản học, “Bài giảng từ biệt” không tồn tại dưới một phiên bản thống nhất; các nội dung liên quan được lưu truyền rải rác trong các tập hợp Ḥadīth dưới nhiều dị bản và mảnh ghép khác nhau. Một trong những tuyên bố thường được gắn với truyền thống này là: “Ta được lệnh phải chiến đấu với mọi người cho đến khi họ tuyên xưng: ‘Không có Thượng đế nào ngoài Allah.’”

*Lưu ý:* Các cước chú trong bản dịch tiếng Việt này của biên tập viên, về sau viết tắt là BT, của người dịch được viết tắt là (ND).

Tu viện Phật giáo Nalanda được thành lập ở đông bắc Ấn Độ vào đầu thế kỷ V. Theo thời gian, nó trở thành trung tâm học thuật hàng đầu ở châu Á, và giống như các trường đại học danh tiếng ngày nay, Nalanda quy tụ đội ngũ học giả lừng danh thế giới đang nghiên cứu ở tuyến đầu của các ngành khoa học lý thuyết, cùng một cộng đồng học tăng đến từ khắp thế giới Phật giáo.<sup>1</sup> Danh tiếng ấy cũng mang lại không ít sự cúng dường từ giới giàu có và quyền thế. Không chỉ các vị vua địa phương ở đông bắc Ấn Độ hiến tặng cả những ngôi làng để giúp duy trì hoạt động của Nalanda, mà cả quốc vương xứ Sumatra cũng cúng dường các ngôi làng làm nguồn tài trợ cho tu viện,<sup>2</sup> đồng thời một quỹ đặc biệt đã được thành lập để hỗ trợ riêng cho các học tăng đến từ Trung Hoa. Vào thời cực thịnh, Nalanda có một đội ngũ giáo thọ sư hùng hậu, giáo hóa một cộng đồng học tăng đa dạng khoảng 3.000 người trong một khuôn viên tuyệt đẹp bao gồm nhiều tu viện nội trú với những ngọn tháp cao vút trông “giống như những đỉnh núi Tu Di (Sumeru) phủ tuyết.”<sup>3</sup> Thế rồi, sự thanh bình của trung tâm Phật giáo này đột ngột bị phá tan. Vào mùa thu năm 1202, kỵ binh Muslim xông vào và tàn sát tất cả các bậc thầy và học tăng ngay tại chỗ. Những công trình kiến trúc từng tráng lệ bấy giờ chỉ còn là đồng đống nát.<sup>4</sup> Sự tàn bạo ấy kinh hoàng đến mức báo hiệu sự cáo chung của Phật giáo tại Ấn Độ.

Câu chuyện rúng động này đã được kể đi kể lại vô số lần. Ngày nay, nó phổ biến khắp nơi, được tìm thấy trong mọi thứ, từ các chuyên khảo học thuật đến các sách hướng dẫn du lịch. Thật vậy, bởi sự phổ biến rộng rãi của nó, sự kiện này đã phần nào gói gọn và tượng trưng cho toàn bộ lịch sử 1.300 năm tương tác giữa Phật giáo và Islam. Vì lý do này, bất cứ khi nào chủ đề Phật giáo và Islam được đề cập, nó hầu như luôn xoay quanh việc người Muslim hủy diệt Phật pháp.<sup>5</sup>

Điều này đặt ra nhiều vấn đề, mà vấn đề quan trọng nhất là câu chuyện về Nalanda không đúng sự thật. Chẳng hạn, không

những các vị vua Phật tử địa phương vẫn duy trì quyền lực của họ bằng cách đạt được thỏa thuận với những nhà cai trị Muslim mới,<sup>6</sup> mà Nalanda còn tiếp tục là một trung tâm giáo dục Phật giáo cho đến tận thế kỷ XIII.<sup>7</sup> Chẳng hạn, một đại sư Ấn Độ đã được đào tạo và thụ giới tại Nalanda trước khi ông đến triều đình của Khubilai Khan (Hốt Tất Liệt)<sup>i</sup>.<sup>8</sup> Chúng ta cũng biết rằng các tăng sĩ Trung Hoa tiếp tục đến Ấn Độ và thỉnh các kinh văn Phật giáo vào cuối thế kỷ XIV.<sup>9</sup> Thật vậy, trái với quan điểm phổ biến từ câu chuyện trên cho rằng sự hủy diệt của Nalanda báo hiệu sự diệt vong của Phật giáo, Phật pháp thực tế vẫn tiếp tục tồn tại ở Ấn Độ ít nhất cho đến thế kỷ XVII.<sup>10</sup> Hay nói cách khác, Phật tử và người Muslim đã cùng chung sống trên tiểu lục địa châu Á này suốt gần một nghìn năm.

Tại sao sự kiện này lại ít được biết đến như vậy? Có rất nhiều cách giải thích khả dĩ, từ những lời tiên tri về sự diệt pháp của Phật giáo cho đến những vấn đề của học thuật đương đại.<sup>11</sup> Tuy nhiên, thay vì giải quyết những vấn đề như vậy, người ta lại bắt đầu một cách đơn giản với sức mạnh ảnh hưởng của câu chuyện. Như đã đề cập ở trên, câu chuyện về sự phá hủy Nalanda cung cấp một tự sự phân minh về người tốt và kẻ ác. Nó hoàn toàn tránh được những sắc độ xám phức tạp thường thấy trong bức tranh lịch sử hỗn loạn. Đây chắc chắn là điều mà các nhà sử học Phật giáo đã chấp vá nên câu chuyện mà họ muốn để cố gắng lý giải sự suy tàn của Phật giáo ở Ấn Độ.<sup>12</sup> Thật vậy, thay vì đào sâu vào lịch sử kinh tế, môi trường, chính trị và tôn giáo phức tạp của Ấn Độ, hoặc đơn giản là những yếu kém nội tại của chính truyền thống Phật giáo, rõ ràng việc đổ lỗi cho người Muslim dễ dàng hơn nhiều.

Về mặt này, những người Phật tử đã tạo ra một tiền lệ mà sau đó đã chi phối sự phát triển lịch sử Nam Á.<sup>13</sup> Ví dụ, người Anh

---

i. Khubilai Khan (Hốt Tất Liệt, 1215-1294): Đại Hãn Mông Cổ và hoàng đế sáng lập triều Nguyên ở Trung Hoa, cháu nội của Chinggis Khan (Thành Cát Tư Hãn), nổi tiếng vì bảo trợ Phật giáo Tây Tạng - BT.

đã viện dẫn những tuyên bố tương tự về sự man rợ và cai trị tồi tệ của người Muslim để biện minh cho việc áp đặt một hình thức cai trị thuộc địa mà họ cho là nhân đạo và hợp lý hơn.<sup>14</sup> Ngược lại, trong khi những người theo chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ chất vấn tính chính đáng về mặt đạo đức và vinh quang của nền cai trị Anh tại Ấn Độ, họ vẫn tiếp tục duy trì mô hình lịch sử là đổ lỗi cho người Muslim. Do đó, việc áp đặt chế độ thuộc địa đầy nhục nhã không được xem là hệ quả của sự suy yếu nội tại của Ấn Độ mà là lỗi của triều đại Mughal<sup>i</sup> nhu nhược và sa đọa.<sup>15</sup> Quan điểm này dễ dàng được duy trì bằng luận điệu của những người theo chủ nghĩa dân tộc Hindu ngày nay, những người muốn tái tạo một xã hội không tưởng Hindu<sup>ii</sup> bằng cách xóa bỏ mọi dấu vết của Islam ở Ấn Độ, thậm chí dùng đến bạo lực nếu cần thiết.<sup>16</sup>

Quan điểm bài Islam phổ biến này đương nhiên không chỉ có trong lịch sử Phật giáo thời trung cổ và lịch sử Hindu đương đại. Nó cũng là một phần của di sản Do Thái và Kitô giáo kể từ khi Muhammad nhận được sự mặc khải cuối cùng của Thượng đế thông qua thiên sứ Gabriel vào đầu thế kỷ VII. Nhiều người cũng lập luận rằng việc phương Tây hiện đại tự xây dựng mình như là hình mẫu của công lý thường được thực hiện bằng cách hạ thấp Islam. Thế nhưng, mặc dù “Đông phương luận”<sup>iii</sup> đã bị phê phán

---

i. Triều đại Mughal: để chế Muslim cai trị phần lớn tiểu lục địa Ấn Độ từ thế kỷ XVI đến XIX, nổi tiếng với sự pha trộn văn hóa Ba Tư-Ấn Độ và các công trình như Taj Mahal - BT.

ii. Hindu: người theo Hindu giáo - truyền thống tôn giáo lớn hình thành tại tiểu lục địa Ấn Độ, nhấn mạnh các khái niệm như nghiệp (karma), luân hồi và giải thoát. Trong văn cảnh chính trị hiện đại, “Hindu” còn có thể gắn với các khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa Hindu - BT.

iii. Nguyên văn tiếng Anh là Orientalism, thuật ngữ này gắn liền với công trình *Orientalism* của Edward Said, trong đó ông phân tích cách phương Tây kiến tạo hình ảnh về “phương Đông” như một không gian lạc hậu, huyền bí và cần được cai trị. Khái niệm này về sau có ảnh hưởng lớn trong các ngành nghiên cứu hậu thực dân,

manh mẽ suốt mấy chục năm bởi giới học thuật, những quan điểm trước đây vẫn cứ tồn tại.<sup>17</sup> Thật vậy, nỗ lực quả cảm của các học giả và người phụ trách các bảo tàng đương đại nhằm xóa bỏ những định kiến này bằng sách vở và các cuộc triển lãm hiện vật phong phú làm nổi bật sự khoan dung của người Muslim và các thời kỳ giao lưu của Islam với châu Âu Kitô giáo, nhưng những nỗ lực này vẫn chưa thực sự làm giảm bớt “nỗi sợ phương Đông”<sup>i</sup> của chúng ta.<sup>18</sup> Tất nhiên, dù việc đánh giá lại như vậy có cần thiết đến đâu, môi trường địa chính trị hiện tại có thể không thuận lợi cho công việc đó. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi câu chuyện về Nalanda và câu chuyện liên quan về việc Islam hủy diệt Phật giáo lại dễ dàng được chấp nhận nếu tất cả các yếu tố khác nhau này được xem xét. Đối với nhiều người, những câu chuyện này nghe có vẻ hợp lý. Hơn nữa, chúng phù hợp với những định kiến của chúng ta về hai truyền thống tôn giáo này. Phật giáo là một triết học đúng đắn, duy lý, hậu Khai sáng, trong khi Islam thường bị mô tả như một tôn giáo mang tính bạo lực và phi lý.

Thật vậy, trong hình dung của công chúng, có lẽ không có hai truyền thống nào được xem là khác biệt nhau cho bằng Phật giáo và Islam. Một truyền thống thường gắn với hình ảnh hòa bình, tĩnh lặng và quán chiếu nội tâm, còn truyền thống kia thường bị liên hệ với bạo lực, bất ổn và đức tin cứng nhắc. Một truyền thống gợi lên hình ảnh những am thất trên dãy Himalaya và những khu vườn đá Nhật Bản, truyền thống kia lại gợi lên hình ảnh những cộng đồng bảo thủ với phụ nữ che mặt. Trong khi Phật giáo thường được

---

lịch sử và văn hóa. Bạn đọc có thể tham khảo thêm tác phẩm *Orientalism* để hiểu rõ hơn về hướng tiếp cận này - BT.

i. Nỗi sợ phương Đông (orientalist fear): thuật ngữ chỉ các định kiến và tâm lý lo sợ mang tính Đông phương luận, phản ánh góc nhìn của diễn ngôn phương Tây hiện đại đối với phương Đông như một không gian xa lạ, lạc hậu hoặc mang tính đe dọa - BT.

nhìn nhận là hiện đại, với những giáo lý được cho là tương thích với khoa học tiên tiến nhất,<sup>20</sup> Islam lại thường bị xem là lạc hậu, với những giáo lý và hình phạt gợi nhớ đến thời trung cổ.<sup>21</sup> Tuy nhiên, cũng giống như toàn bộ hệ thống Đông phương luận và việc xây dựng hình ảnh Islam như một tôn giáo vốn dĩ xấu xa, hình ảnh Phật giáo như một nền tảng tâm linh hoàn hảo cho thời đại hiện đại cũng là một ảo tưởng hoặc sự kiến tạo của phương Tây vào thế kỷ XIX. Trên thực tế, chính trong thời kỳ đỉnh cao của đế quốc và hiện đại đó mà Phật giáo được hình thành như một triết lý có khả năng giải quyết mọi vấn đề của thế giới.<sup>22</sup>

Loại hình Phật giáo hiện đại này đã được viết bởi nhiều tác giả, từ các quan chức thuộc địa Anh đến các nhà dân tộc chủ nghĩa châu Á, từ các triết gia Đức đến những người Thông Thiên học Nga.<sup>23</sup> Tuy nhiên, tất cả đều đồng ý rằng truyền thống này, khi loại bỏ các nghi lễ, giáo lý và cấu trúc cộng đồng, rõ ràng là triết lý tâm linh cho thời đại chủ nghĩa nhân văn thế tục. Tất nhiên, người Phật tử châu Á thực sự không thực hành loại triết lý này. Họ dường như đã xa rời khỏi những giáo nghĩa chân chính của Đức Phật, thay vào đó sa vào một vũng lầy ác mộng của tập tục nghi lễ và mê tín dị đoan. Câu chuyện này ăn khớp với lối biện giáo của người Tin Lành<sup>ii24</sup> - rằng những lời dạy của Chúa Giêsu bị bóp méo bởi giáo hoàng ngoại giáo và sau đó được Martin Luther<sup>iii</sup> phục hồi - cũng như các cuộc tranh luận vào thế kỷ XIX về người Aryan và người

---

i. Người Thông Thiên học (Theosophists): những người theo phong trào Thông Thiên học, một trào lưu huyền học ra đời cuối thế kỷ XIX, kết hợp tư tưởng phương Tây với các yếu tố tôn giáo và triết học phương Đông như Hindu giáo và Phật giáo - BT.

ii. Người Tin Lành (Protestants): nhánh Kitô giáo xuất hiện từ phong trào Cải cách tôn giáo thế kỷ XVI ở châu Âu, phản đối thẩm quyền của Giáo hoàng và Giáo hội Công giáo La Mã - BT.

iii. Martin Luther (1483-1546): nhà thần học người Đức, người khởi xướng phong trào Cải cách Tin Lành ở châu Âu thế kỷ XVI - BT.

Semit<sup>i</sup> không phải là ngẫu nhiên, và chắc chắn đã tạo nên một cốt truyện mạnh mẽ.<sup>25</sup> Nó cũng khiến Phật giáo, với con đường tu tập nhằm giải thoát cá nhân, trở nên đối lập hoàn toàn với Islam.

Với suy nghĩ này, không khó để hiểu tại sao rất ít người đặt câu hỏi về câu chuyện phá hủy Đại học Nalanda. Đó là một câu chuyện hoàn hảo với tất cả những nhân vật cần thiết và nổi tiếng đóng những vai phù hợp. Hơn nữa, trong những năm gần đây, câu chuyện này không còn chỉ là một sự kiện quá khứ bị chìm từ lâu trong màn sương mù của lịch sử, cũng không chỉ là một khuôn khổ trừu tượng để mô tả và sắp xếp sự tiến triển hỗn loạn của lịch sử, mà đã trở thành một hiện thực cụ thể. Vào tháng 3 năm 2001, quân Taliban đã sử dụng xe tăng và vũ khí phòng không để phá hủy các pho tượng Phật khổng lồ ở Bamiyan<sup>ii</sup> (hình 1 và 2). Một cảnh tượng được phát sóng trên màn hình truyền hình khắp thế giới.

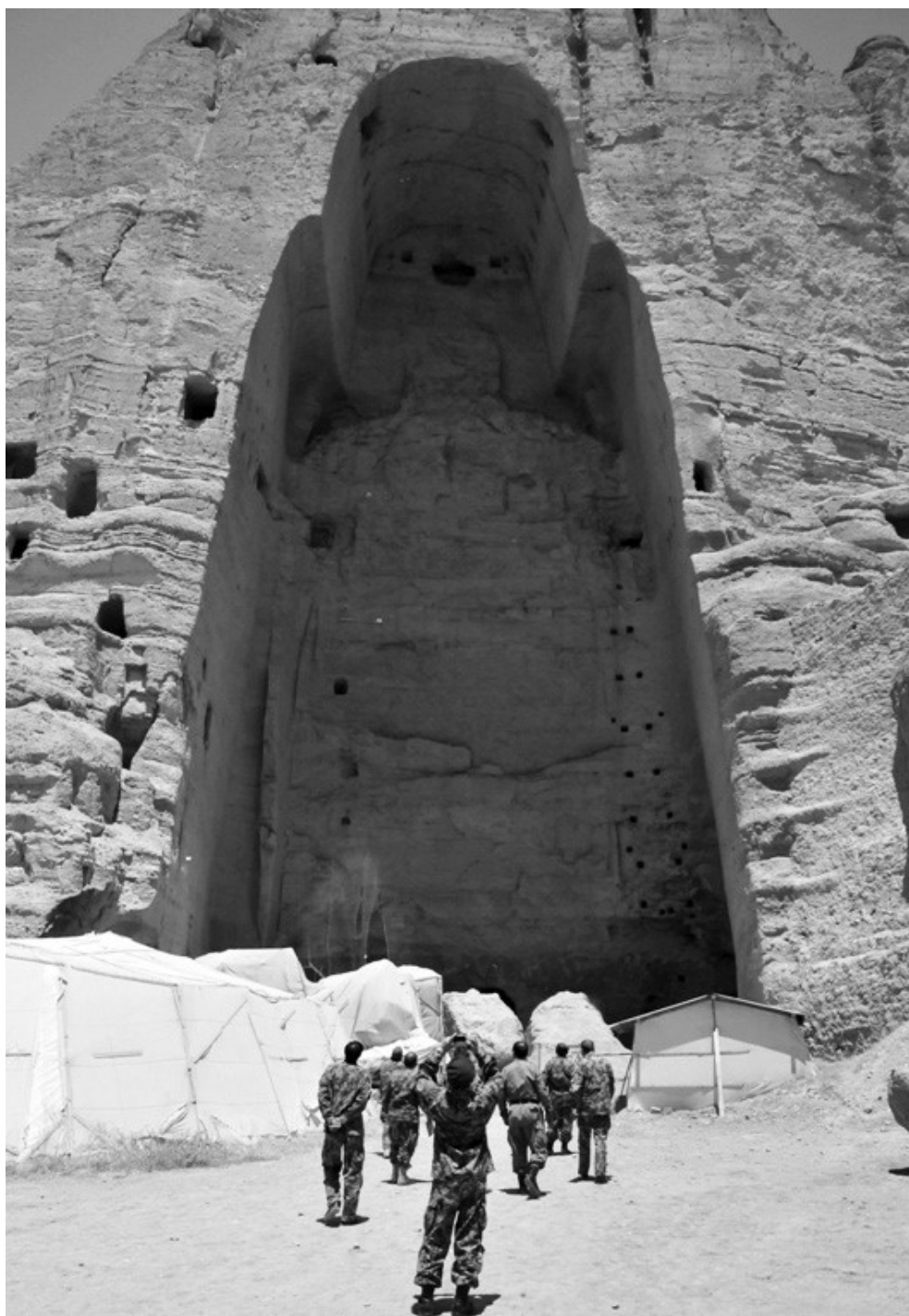
---

i. Aryan và Semit: các khái niệm ngôn ngữ-chủng tộc phổ biến trong học thuật châu Âu thế kỷ XIX, dùng để phân loại các dân tộc Ấn-Âu (“Aryan”) và Trung Đông (“Semit”); về sau nhiều quan điểm liên quan đã bị phê phán vì mang màu sắc chủng tộc và ý thức hệ - BT.

ii. Bamiyan: thung lũng lịch sử ở miền Trung Afghanistan, từng là trung tâm Phật giáo quan trọng trên Con đường Tơ lụa, nổi tiếng với các tượng Phật khổng lồ được tạc vào vách núi trước khi bị Taliban phá hủy năm 2001 - BT.



Hình 1: Tượng Phật Bamiyan, Afghanistan (1963). Ảnh: UNESCO/A Lezine.  
Nguồn: Wikimedia Commons, thuộc phạm vi công cộng.



Hình 2: Tượng Phật Bamiyan sau khi bị Taliban phá hủy vào năm 2001.  
Ảnh: Capt. Kenneth Stewart. Nguồn: Wikimedia Commons,  
thuộc phạm vi công cộng.

Hành động phá hoại bữa bãi này không chỉ tái hiện câu chuyện về Nalanda mà còn củng cố tất cả những định kiến của chúng ta. Còn hình ảnh nào thích hợp hơn có thể gói gọn lịch sử quan hệ Phật giáo-Islam bằng một nhóm chiến binh Muslim cuồng tín nhân danh Islam ngang nhiên tàn phá các biểu tượng của sự bình an và tĩnh lặng của Đức Phật? Đó luôn là cách mà phương tiện truyền thông quốc tế trình bày. Tuy nhiên, ít người xem xét đến những yếu tố lịch sử đã dẫn đến sự kiện này; càng ít người nghĩ đến việc những pho tượng này bằng cách nào đó đã tồn tại suốt 1.300 năm qua dưới sự cai trị của người Muslim.<sup>26</sup> Đây là một trong những sự thật bất tiện khác đã làm rối rắm câu chuyện. Có lẽ tốt nhất là đừng nghĩ về điều đó, vì nếu nghĩ đến, nó sẽ mở ra cánh cửa cho một loạt những thực tế hỗn loạn của lịch sử, có thể sẽ thách thức, thậm chí có thể phá tan câu chuyện truyền thống đã được kể trong suốt một nghìn năm qua.

Cuốn sách này hướng đến mục tiêu làm sáng tỏ lịch sử tương tác giữa Phật giáo và Islam. Để đạt được mục tiêu đó, lịch sử được trình bày dưới đây vượt ra ngoài những ranh giới không gian và thời gian vốn định hình lịch sử tương tác Phật giáo-Islam theo truyền thống. Do đó, trọng tâm của nó không phải là Ấn Độ mà là Con đường Tơ lụa<sup>i</sup>, hay chính xác hơn là Nội Á<sup>ii</sup>, vùng lãnh thổ

---

i. Con đường Tơ lụa (Silk Road): mạng lưới các tuyến thương mại đường bộ và đường biển nối liền Trung Hoa, Trung Á, Ấn Độ, Ba Tư, Trung Đông và Địa Trung Hải từ thời cổ đại đến trung đại. Không chỉ vận chuyển hàng hóa như tơ lụa, gia vị, đá quý hay kim loại quý, Con đường Tơ lụa còn là kênh trao đổi quan trọng của tôn giáo, tư tưởng, nghệ thuật, công nghệ và văn hóa giữa Đông và Tây. Phật giáo, Islam, Kitô giáo Nestorian cùng nhiều tri thức khoa học và kỹ thuật đã lan truyền mạnh mẽ qua mạng lưới này - BT.

ii. Nội Á (Inner Asia): thuật ngữ địa lý-lịch sử chỉ vùng rộng lớn nằm giữa Đông Á, Nam Á, Tây Á và Đông Âu, bao gồm Mông Cổ, Tây Tạng, Tân Cương, Trung Á và các vùng thảo nguyên Á-Âu. Trong lịch sử, đây là không gian giao lưu quan trọng của các dân tộc du mục, các đế chế thảo nguyên và các tuyến thương mại như Con đường Tơ lụa - BT.